

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO
DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN LÃO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

(Thời điểm báo cáo ngày 30 tháng 9 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Lão

2. Địa chỉ: Số 43 Lê Lợi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 02253.872.275

- Thư điện tử: thpt-anlao@haiphong.edu.vn

- Trang Website: <http://thptanlaohp.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Loại hình: Trường THPT công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- Sứ mạng: Tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, chất lượng, hiệu quả dựa trên ba trụ cột là giáo viên - học sinh - phụ huynh.

- Tầm nhìn: Xây dựng trường THPT An Lão trở thành ngôi trường có chất lượng cao, trọng điểm của thành phố Hải Phòng. Nơi mà học sinh sẽ lựa chọn học tập, rèn luyện để vươn tới đỉnh cao - giáo viên có khát vọng cống hiến.

- Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Cách thành phố Hải Phòng 18 km, theo đường quốc lộ 10 có một ngôi trường nằm ẩn mình dưới những vòm cây xanh mát, ngôi trường từ lâu đã trở thành một địa chỉ tin cậy, một nơi trồng người mà tất cả thầy người dân vùng đất này đều yêu mến trân trọng. Ngôi trường ấy ra đời năm 1965, ngay trong khói lửa đạn bom của cuộc

kháng chiến chống Mỹ cứu nước oanh liệt của dân tộc. Đó là Trường THPT An Lão – Hải Phòng ngôi trường đã trở thành niềm tự hào của bao thế hệ thầy và trò và nhân dân địa phương.

Trong hơn 59 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, phát huy truyền thống thông minh, hiếu học của Trạng nguyên Trần Tất Văn và truyền thống của quê hương núi Voi bất khuất: 59 năm qua trường THPT An Lão đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong mọi lĩnh vực hoạt động:

- Nhiều năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu thi đua "Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc cấp Thành phố".

- Luôn đứng ở vị trí tốp đầu trong khối các trường THPT thành phố Hải Phòng về chất lượng giáo dục toàn diện (đặc biệt là chất lượng học sinh giỏi và học sinh thi đỗ vào Đại học).

- Năm 2000 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.

- Năm 2005, được UBND thành phố Hải Phòng công nhận là "Trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010", được tặng danh hiệu "Trường xanh sạch đẹp nhất thành phố giai đoạn 2000 - 2005"

- Trường được công nhận kiểm định chất lượng mức độ 3 (mức độ cao nhất) năm 2013.

- Từ năm 1998 đến nay đoàn TNCS Hồ Chí Minh liên tục được nhận bằng khen của Trung ương đoàn. Năm học 2013 - 2014 và năm học 2018 - 2019 Đoàn trường nhận danh hiệu “ Lá cờ đầu khối THPT trong toàn thành phố”. Năm học 2020 – 2021 Đoàn trường nhận danh hiệu đơn vị xuất sắc dẫn đầu khối THPT của Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và nhận được cờ thi đua của Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Có 2 học sinh tham gia cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia", năm thứ 2 (Nguyễn Hải Dũng) và năm thứ 3 (Bùi Hải Kiên) đều được giải nhì quý.

- Nhiều học sinh đỗ thủ khoa, á khoa vào các trường Đại học - Cao đẳng và cụm thi các tỉnh.

- Hàng năm tỷ lệ đỗ Đại học – Cao đẳng trên 90%; nhiều học sinh đỗ vào các trường Đại học top đầu Việt Nam.

Có được những thành tích ấy, trước hết phải kể đến sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo: thành phố Hải Phòng, Sở GD&ĐT Hải Phòng, Huyện An Lão. Thêm vào đó là sự đồng thuận và nhất trí cao của Hội cha mẹ học sinh - những người luôn theo sát nhà trường trong mọi hoạt động. Đặc biệt, đó là kết quả của sự phấn đấu không mệt mỏi của bao nhiêu thế hệ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh đã từng công tác và học tập dưới mái trường này.

Thế hệ nào cũng có những nhà giáo tài hoa, mẫu mực, giàu nhiệt huyết, toàn tâm toàn ý vun đắp cho sự nghiệp trồng người.

Nhắc đến những người thầy đầu tiên của lớp học nơi sơ tán, các thế hệ học sinh nhà trường luôn tràn đầy cảm xúc thân thương, kính trọng. Đó là thầy Đào Thành Khang, Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường; các thầy giáo – nhà thơ Hà Thúc Chi, Trúc Chi, rồi thầy giáo – Anh hùng Lao động Nguyễn Hồng Thúy, thầy giáo – nhạc sĩ Hà Giang..., thầy Trần Xuân Đình, nguyên Hiệu trưởng, giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo, thầy Trần Hùng nguyên Hiệu trưởng, nguyên Chủ tịch UBND huyện An Lão.

Thế hệ thứ 2, rất nhiều thầy cô có hơn 30 năm công tác tại trường là những tấm gương tiêu biểu sự tận tụy, hết lòng vì học sinh thân yêu, như các thầy, cô Nguyễn Tiến Dũng, Lê Xuân Long, Phan Nhật Khải, Nguyễn Thị Bích Lan, Phú Thị Lan, Phạm Thị Hạnh...

Thế hệ thứ 3, rất nhiều thầy cô có hơn 20 năm công tác tại trường luôn hết lòng vì thầy cô và mái trường, Tiêu biểu là các thầy cô: Nguyễn Duy Bắc, Đặng Thị Ngọc, Nguyễn Ngọc Thịnh, Nguyễn Duy Tuấn, Đỗ Thị Minh Huệ, Nguyễn Thị Hương, Vũ Văn Dũng, Vương Văn Huy, Phạm Thị Hà, Phạm Minh Hòa, Nguyễn Thị Khiển, ...

Thế hệ hiện tại của nhà trường quyết tâm phấn đấu đưa trường THPT An Lão thành ngôi trường là niềm khao khát cống hiến của các thầy cô giáo và là niềm mơ ước của các thế hệ học sinh. Với sự tâm huyết đó phải kể đến các thầy cô giáo cán bộ, giáo viên, nhân viên: Trần Đức Ngọc, Vương Văn Huy, Nguyễn Thị Là, Phạm Thị Hà, Phạm Minh Hòa, Phạm Thị Thanh Hương, Vũ Văn Dũng, Bùi Đình Bắc, Bùi Văn Mười, Nguyễn Nam Sơn,...

Thế hệ nào cũng có những học trò chăm ngoan, học giỏi, giàu sáng tạo. Lớp lớp thế hệ học trò đã trưởng thành và đang từng ngày từng giờ đóng góp tài năng và trí tuệ của mình làm giàu cho bản thân và đất nước. Tiêu biểu như cựu học sinh: Ông Nguyễn Hoàng Anh (khóa 1977 - 1980) – UVTV Đảng – Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Ông Nguyễn Hoàng Giang – nguyên Thứ trưởng Bộ KH-CN hiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; GS.TS Nguyễn Bách Khoa (khóa 1969 - 1972) - Hiệu trưởng Trường đại học thương mại Hà Nội. GS.TS Lương Xuân Hiến (khóa 1970 - 1973) - Hiệu trưởng Trường Đại học y Thái Bình...

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, chặng đường phát triển của nhà trường sẽ còn rất nhiều những thử thách. Song, với truyền thống vốn có, cùng với sự quan tâm sát sao của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ nhiệt tình của các lực lượng xã hội, toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh toàn trường mà đứng đầu là Thầy Trần Đức Ngọc - Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng nhà trường sẽ quyết tâm phấn đấu giữ vững

những thành tích đã đạt được để trường THPT An Lão mãi là một điểm sáng của giáo dục Hải Phòng, là nơi gửi gắm niềm tin của nhân dân An Lão, là niềm tự hào của những ai đã từng sống dưới mái trường này.

Những dấu ấn khó quên

Năm học đầu tiên trường có 5 lớp 8 (tương đương lớp 10 ngày nay) và 1 lớp 9 từ Trường THPT Kiến An chuyển về. Học trò đến từ đủ các địa chỉ - học sinh miền Nam tập kết, học sinh nội thành, học sinh các huyện Tiên Lãng, Kiến Thụy, học sinh của 17 xã, thị trấn trong huyện.

Thờ đó, học sinh chân đi dép lợp, túi sách quàng vai, tay sách củi gạo, ở trọ để đi học. Lớp học chỉ là các lán tranh tre, nứa lá, có tường hào công sự vây quanh. Khó khăn, gian nan là thế, nhưng từ mái trường này nhiều thế hệ học sinh trưởng thành, nhiều đóng góp cho địa phương, thành phố và đất nước.

Những năm đất nước còn chiến tranh, nhiều nữ sinh tham gia đội du kích Núi Voi, nhiều người trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, cán bộ cao cấp QĐND Việt Nam, như Nguyễn Văn Kỳ (khóa 1966-1969) trên đường đi học, tay không bắt sống giặc Mỹ... Từ mái trường này, nhiều người trưởng thành, trở thành những nhà quản lý, lãnh đạo giỏi, giữ nhiều vị trí trọng trách từ địa phương đến trung ương.

Tiêu biểu như ông Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HDND thành phố, bà Bùi Thị Sinh, nguyên Phó chủ tịch UBND thành phố; các ông Nguyễn Xuân Sang và ông Trần Hùng nguyên Chủ tịch UBND huyện An Lão; ông Nguyễn Hoàng Anh, Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng; ông Vũ Văn Hiến, thiếu tướng, Quân đội nhân dân Việt Nam...

Nhiều người trở thành nhà khoa học đầu ngành trong các trường đại học lớn hoặc các viện nghiên cứu khoa học như giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Bách Khoa, Hiệu trưởng Trường đại học Thương mại Hà Nội; giáo sư, tiến sĩ Lương Xuân Hiến, Hiệu trưởng Trường đại học Y Thái Bình; Phó giáo sư tiến sĩ Nguyễn Bá Hán, Phó hiệu trưởng Trường đại học Y Hà Nội; phó giáo sư tiến sĩ Bùi Văn Vân, Trưởng Ban đào tạo sau đại học Trường Đại học quốc gia Hà Nội...

Sự nhiệt huyết, tài hoa, mẫu mực của các thầy, cô hun đúc nên lòng hiếu học, ý chí quyết tâm của bao lớp học sinh. Ở thế hệ nào, nhà trường cũng có những thầy, cô giáo và học trò tiêu biểu, xuất sắc.

Hiện tại nhà trường đang trên đà phát triển, là mũi nhọn chất lượng của huyện An Lão, điểm sáng giáo dục của Hải Phòng. Số lượng học sinh, lớp học và giáo viên ngày càng tăng. Năm học 2024-2025 nhà trường có 39 lớp, dự kiến sẽ lên 45-50 lớp trong giai đoạn 2026 -2030.

Các thế hệ Hiệu trưởng nhà trường

1. Thầy Đào Thành Khang (đã mất);

2. Thầy Tô Hạo (đã mất 10/2024);
3. Thầy Trần Xuân Đình;
4. Thầy Trần Hùng;
5. Thầy Nguyễn Văn Thạc;
6. Thầy Nguyễn Tiến Dũng;
7. Cô Nguyễn Thị Bích Lan;
8. Thầy Trần Văn Nhường.
9. Thầy Trần Đức Ngọc (Từ 2023 đến hiện tại)

6. Thông tin người đại diện

Ông Trần Đức Ngọc

Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 43 Lê Lợi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0834.363.888

Thư địa chỉ: Tranducngoc@haiphong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: Trường THPT An Lão thành lập năm 1965

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HD
1.	Ông Trần Đức Ngọc	Hiệu trưởng		
2.	Bà Phạm Thị Hà	TTCM		
3.	Ông Vương Văn Huy	Phó HT		
4.	Ông Phạm Minh Hoà	BT đoàn TN		
5.	Bà Phạm Thị Thanh Hương	TTCM		
6.	Ông Nguyễn Nam Sơn	TT tin học VP		
7.	Bà Lưu Thị Chi	Trưởng ban ĐD CMHS		
8.	Em Đỗ Tuấn Minh	Lớp 11B1		

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm

- Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 887/QĐ-SGDĐT ngày 19/5/2023 của Giám đốc Sở GD-ĐT Hải Phòng;
- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 218/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 04/5/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;
- Quyết định về việc điều động Phó Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 880/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 25/8/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT An Lão được thành lập theo Quyết định của UBND Thành phố Hải Phòng thuộc địa bàn xã An Lão, thành phố Hải Phòng. Địa điểm trường có vị trí thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THPT trọng điểm của địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trường THPT An Lão là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT TP. Hải Phòng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên (hoạt động đến khi có văn bản thông báo mới của cấp có thẩm quyền).
 - + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
 - + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
 - + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
 - + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ, 5 chi bộ gồm 55 đảng viên.
 - + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 1770 đoàn viên với 40 chi đoàn thuộc.
 - + Ban đại diện CMHS.
 - + Các tổ chuyên môn: 6 tổ
- đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách: Không
- e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Đức Ngọc	BTĐU, HT	0834.363.888	tranducngoc@haiphong.edu.vn
2	Vương Văn Huy	P.BTĐU, P.HT	0909.113.666	vuongvanhuy.thptal@gmail.com
3	Nguyễn Thị Là	ĐUV, P.HT	0904.594.045	nguyenthila@haiphong.edu.vn

8. Các loại văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	82	0	27	55	0	3	3	76	93.82%	60	16	0	0
6	Ngữ văn	1		0	1	0	0	0	1	100%	1	100%	0	0
7	Lịch sử	2		1	1	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
8	Địa lý	1		0	1	0	0	0	1	100%	1	100%	0	0
9	GDKT&PL	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	NN	2		2	0	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
11	CN	2		0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
12	GDTC	3		0	3	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
13	GDQP&AN	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	GV THPT hạng 3	44	0	16	28	0	0	0	44	100%	44	100%	0	0
1	Toán	8		5	3	0	0	0	8	100%	8	100%	0	0
2	Vật lý	2		0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
3	Hóa học	4		2	2	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
4	Sinh học	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
5	Tin học	4	0	2	2	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
6	Ngữ văn	8	0	1	7	0	0	0	8	100%	8	100%	0	0
7	Lịch sử	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
8	Địa lý	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
9	GDKT&PL	2	0	1	1	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
10	NN	6	0	4	2	0	0	0	6	100%	6	100%	0	0
11	CN	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
12	GDTC	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	82	0	27	55	0	3	3	76	93.82%	60	16	0	0
7	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán	1	0	0	1	0	0	0	1	100%	1	0	0	0
8	Kế toán viên chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Kế toán viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Kế toán trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Chuyên viên thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Cán sự thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Nhân viên thủ quỹ	1	0	0	1	0	0	0	0	100%	0	0	0	0
14	Văn thư chính	1	0	0	1	0	0	0	0	100%	0	0	0	0
15	Văn thư chuyên viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Văn thư trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
D. Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ														
1	Y tế học đường	1	0	0	0	1	0	0	1	100%	1	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	82	0	27	55	0	3	3	76	93.82%	60	16	0	0
2	Nhân viên bảo vệ	3	0	0	0	0	1	2	3	100%	0	0	0	0
3	Nhân viên nấu ăn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên phục vụ	2	0	0	0	0	2	0	2	100%	0	0	0	0

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 28 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đôi sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	35	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	35	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	0	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	45.01	Đạt yêu cầu

III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.000	9,6 m ² /1 học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1242	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	518	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	Đang chuẩn bị xây	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	1	
2.2	Khối lớp 11	1	
2.3	Khối lớp 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	Xưởng trường	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	Số học sinh/bộ 27.7
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Màn Led	01	
6	Thiết bị khác		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	8	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Màn Led	1	Đạt yêu cầu
..	Thiết bị khác...		

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	X				

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

XVI. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Tên sách	Tên Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
Ngữ văn 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN
GDTC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB Giáo dục Việt Nam
GDQP-AN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống		NXB Giáo dục Việt Nam
Vật lý 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Hóa học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Sinh học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
Lịch sử 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
Địa Lý 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo

			dục Việt Nam
GDKT&PL 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đuan	NXB Giáo dục Việt Nam
Tin học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ CN cơ khí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ chăn nuôi 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
HD TN&HN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
Âm nhạc 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam
Mĩ thuật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê	NXB Giáo dục Việt Nam

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Tên sách	Tên Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
Ngữ văn 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN
GDTC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB Giáo dục Việt Nam
GDQP-AN 11	Kết nối tri thức với cuộc sống		NXB Giáo dục Việt Nam

Vật lý 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Hóa học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Sinh học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
Lịch sử 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
Địa Lý 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo dục Việt Nam
GDKT&PL 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan	NXB Giáo dục Việt Nam
Tin học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ CN cơ khí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ chăn nuôi 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
HD TN&HN 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
Âm nhạc 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam
Mĩ thuật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê	NXB Giáo dục Việt Nam

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	TOÁN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam

2	NGŨ VĂN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
3	TIẾNG ANH 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đuan	NXB Giáo dục Việt Nam
5	LỊCH SỬ 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
6	ĐỊA LÍ 12	Cánh diều	Lê Thông	NXB Giáo dục Việt Nam
7	VẬT LÍ 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
8	HÓA HỌC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
9	SINH HỌC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 12, Chuyên đề học tập Sinh học 12)	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
10	TIN HỌC 12	Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
11	CÔNG NGHỆ 12	Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam

12	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 12	GĐTC 12 (Cánh Diều)	Đinh Quang Ngọc	NXB ĐHSP
13	HĐTNHN 12	Kết nối sống tri thức với cuộc	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
14	GDQPAN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

+ Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định công nhận đạt kiểm định mức độ 3.

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		

Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	X				
Tiêu chí 3.2	X				
Tiêu chí 3.3	X				Nhà xe, nhà kho xuống cấp. Thiếu trang thiết bị khối hành chính – quản trị.
Tiêu chí 3.4	X				Khu vệ sinh đã xuống cấp
Tiêu chí 3.5	X				Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6	X				Thư viện chưa đạt chuẩn
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			X		
Tiêu chí 4.2			X		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			X		
Tiêu chí 5.2			X		
Tiêu chí 5.3			X		
Tiêu chí 5.4			X		
Tiêu chí 5.5			X		
Tiêu chí 5.6			X		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6		x	Có kết quả giáo dục vượt trội.

Kết luận: Phân đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục: 02.

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Phân đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (Lớp 10,11), chuẩn bị tốt các điều kiện cho triển khai của lớp 12.

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Sở GD&ĐT kiểm tra, vấn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh: Theo văn bản đính kèm

b. Kế hoạch giáo dục: Theo văn bản đính kèm

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm trước

a. Kết quả tuyển sinh năm học 2024 -2025

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Trong đó		
					HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	584	13	0	0	344	1	2
11	584	13	0	3	354	0	0
12	585	13	1	1	307	0	3
Toàn Trường	1753	39	7	4	1005	1	5

b. Thống kê kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm

Khối	Số HS	Xếp loại							
		Tốt	%	Khá	%	TB/Đ	%	Yếu/CĐ	%
10	585	579	98.97	5	0.85	1	0.17	0	0
11	584	575	98.46	9	1.54	0	0	0	0
12	584	580	99.32	4	0.68	0	0	0	0
Toàn Trường	1753	1734	98.92	18	1.03	1	0.06	0	0

- Kết quả xếp loại học lực

Khối	Tổng số HS ĐG	Kết quả học tập								Danh hiệu					
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG		HSTT	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
10	585	387	66.15	190	32.48	7	1.20	1	0.17	308	52.65	70	11.97	10	585
11	584	461	78.94	118	20.21	5	0.86	0	0	340	58.22	121	20.72	11	584
12	584	503	86.13	80	13.70	1	0.17	0	0	351	60.10	164	28.08	12	584
TH	1753	1351	77.07	388	22.13	13	0.74	1	0.06	999	56.99	355	20.25	TH	1753

Toàn trường số học sinh lên lớp 100%.

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng HS công nhận hoàn thành chương trình GDPT: 583
- Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp: 583
- Số lượng HS trúng tuyển vào các trường ĐH – CĐ: 500

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷: Đính kèm

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

Loại giải	Số học sinh đạt giải	So với năm học 2023-2024
Nhất	07	Tăng 03
Nhì	34	Tăng 22
Ba	29	Giảm 1
KK	42	Tăng 16
Tổng	112	Tăng 40
Xếp hạng bảng B	10	Tăng 1 bậc

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. *Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.*

2.2. *Công tác giáo dục STEM*

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 50 tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp huyện, cấp thành phố

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

3. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi KHKT; Toán và KHTN bằng tiếng Anh; IELTS.

- Tổ chức Cuộc thi ý tưởng KH cho học sinh toàn trường, thi KHKT cấp trường có 16 dự án tham gia dự thi và chọn 04 dự án dự thi cấp thành phố và trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố dành cho học sinh trung học nhà trường đạt 01 giải Tư.

4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

**Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì

tai nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong VD nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

**) Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L12 có thể tham gia lao động sản xuất.

**) Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền ND này còn chưa sâu rộng. ND dạy còn chưa đa dạng.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

**) Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

**) Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường THPT An Lão, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Đức Ngọc

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.